

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI****ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited

- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV

- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50

- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 17/04/2026

- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	5,000	4.02%
2	BSR	400	0.35%
3	CTG	1,300	1.53%
4	DCM	100	0.15%
5	DGC	200	0.37%
6	DIG	800	0.40%
7	DPM	300	0.29%
8	EIB	1,700	1.29%
9	FPT	1,600	4.03%
10	FRT	100	0.51%
11	GEX	700	0.95%
12	GMD	400	1.00%
13	HCM	700	0.64%
14	HDB	4,600	4.08%
15	HPG	4,800	4.56%
16	HSG	500	0.27%
17	IDC	200	0.33%
18	KBC	500	0.59%
19	KDH	800	0.72%
20	LPB	3,200	5.15%
21	MBB	4,600	4.11%
22	MSB	2,600	1.12%



23	MSN	1,000	2.65%
24	MWG	1,200	3.32%
25	NLG	400	0.39%
26	NVL	1,600	0.92%
27	PDR	600	0.33%
28	PNJ	300	1.11%
29	POW	800	0.36%
30	PVD	300	0.34%
31	PVS	200	0.26%
32	SHB	4,300	2.27%
33	SHS	900	0.56%
34	SSI	2,000	1.96%
35	STB	2,000	4.34%
36	TCB	4,400	4.77%
37	TPB	1,700	0.94%
38	VCB	1,000	2.02%
39	VCG	400	0.30%
40	VCI	900	0.84%
41	VHM	1,400	6.81%
42	VIB	2,500	1.46%
43	VIC	1,800	11.59%
44	VIX	2,800	1.69%
45	VJC	300	1.82%
46	VND	1,300	0.73%
47	VNM	900	1.87%
48	VPB	5,400	5.07%
49	VPI	100	0.20%
50	VRE	1,000	1.01%
I	Chứng khoán/Stock	2,835,860,000	96.42%
II	Tiền/Cash(VND)	105,348,129	3.58%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,941,208,129	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,835,860,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,941,208,129
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	105,348,129

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

